

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuỳ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình; Bà Đào Thị Thanh Thuỷ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên:
Bà Vi Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 163/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N.T.H, sinh năm 1994, có mặt

Bị đơn: Anh T.A.V, sinh năm 1989, có mặt

Đều trú tại: Xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị N.T.H trình bày:

Chị và anh T.A.V kết hôn năm 2016, đăng ký tại UBND xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, anh V không có sự quan

tâm chia sẻ với chị. Vợ chồng đã xảy ra xô xát, cãi vã khiến chị mệt mỏi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

Chị và anh V có 02 con chung là Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017; T.D.A, sinh ngày 03/6/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị xác định không có. Về án phí chị tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh T.A.V trình bày:**

Anh xác nhận thông tin về thời gian đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh vẫn bình thường chỉ là mâu thuẫn, cãi vã nhỏ. Năm 2020 vợ chồng có xảy ra xô xát nhưng từ thời điểm đó đến nay vợ chồng vẫn sống cùng nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn nên không nhất trí ly hôn.

Anh và chị H có 02 con chung là Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017; T.D.A, sinh ngày 03/6/2020. Nếu buộc phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị H không có nợ chung. Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu khởi kiện. Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với chị H và anh V là người phải cung cấp tài liệu, chứng cứ. Chị H có cung cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, và đơn xác nhận thể hiện có điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt đầy đủ và điều kiện học hành của các con. Về phía anh V không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Tại phiên tòa anh V khai là hiện đang làm tiếp thị ngành dược và thu nhập khoảng 18 -20 triệu đồng/tháng.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho chị H , anh V về đoàn tụ, nhưng đến nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh V . Do

chị H và anh V không thông nhất được về quan hệ hôn nhân, con chung, Tòa án hòa giải không thành, nên vụ án được xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn với anh V .

- Về con chung: Giao cháu Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017 và T.D.A, sinh ngày 03/6/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hà và cháu Anh trưởng thành đủ 18 tuổi có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H , anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định là không có.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh T.A.V, cư trú tại Xóm Đ, xã T, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn và con chung quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N.T.H và anh T.A.V kết hôn năm 2016 đăng ký tại UBND xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị H và anh V xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc nhau vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V cũng không có giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, hai vợ chồng không thể ngồi lại để nói chuyện thống nhất. Như vậy có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị N.T.H được ly hôn anh T.A.V là phù hợp.

2.2. *Về con chung:* Chị H và anh V có 02 con chung là Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017; T.D.A, sinh ngày 03/6/2020. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V không nhất trí ly hôn, tuy nhiên nếu buộc phải ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu chị H và anh V cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con, chị H đã cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ thể hiện chị làm nghề bán thuốc có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học hành tốt cho các con. Anh V không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì. Hội đồng xét xử thấy, chị H có công ăn việc làm và có chỗ ở có thể đảm bảo điều kiện sinh hoạt cũng như học tập cho con chung. Hai cháu là con gái, cháu Hà đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần giao cả 02 con chung là Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017; T.D.A, sinh ngày 03/6/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hà và cháu Anh trưởng thành đủ 18 tuổi có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác mới đảm bảo được về mặt tâm sinh lý cũng như điều kiện phát triển cho cháu Hà

và cháu Anh. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung*: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

2.4. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị N.T.H, cho chị N.T.H được ly hôn anh T.A.V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần N.T.H, sinh ngày 14/4/2017; T.D.A, sinh ngày 03/6/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao

động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác; Anh V có quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị N.T.H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000853 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho chị H , anh V , biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
 - VKSND TPSCTN;
 - THADS TPSCTN;
 - UBND xã Đại Hoá,
- H. Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thùy Dung

